

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
TỈNH BÌNH DƯƠNG  
**CHI CỤC TIÊU CHUẨN  
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 07 /TĐC-HCTH  
V/v báo cáo tình hình thực hiện công  
khai dự toán NSNN năm 2018

Bình Dương, ngày 16 tháng 01 năm 2018

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng báo cáo tình hình thực hiện công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 theo Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, như sau:

- Nội dung công khai: Dự toán thu, chi nguồn thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp; chi thường xuyên theo Biểu số 02. Đánh giá: Đúng nội dung.

- Hình thức công khai: Dán bảng thông báo, đăng trên website Sở Khoa học và Công nghệ, tại Hội nghị công chức, viên chức năm 2018. Đánh giá: Đúng hình thức.

- Thời gian công khai: từ ngày 16/01/2018. Đánh giá: Đúng thời gian quy định.

Kèm theo Quyết định công bố công khai số 10/QĐ-TĐC ngày 16/01/2018 của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- LĐCC;
- Lưu: VT, Kế toán.



**Lý Thái Hùng**

Số: 10 /QĐ-TĐC

Bình Dương, ngày 16 tháng 01 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2018**  
**của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng**

**CHI CỤC TRƯỞNG**  
**CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-SKHCHN ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 cho Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-SKHCHN ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 cho Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2018 của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và đơn vị trực thuộc - Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Phòng Hành chính – Tổng hợp, các phòng và đơn vị trực thuộc Chi cục chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Lưu*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- LĐCC;
- Lưu: VT, Kế toán. *Hand*

**CHI CỤC TRƯỞNG**  
  
*Lý Thái Hùng*



Tên đơn vị: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Biểu số 2

Chương 417

## DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 10 /QĐ-TĐC ngày 16 /01/2018 của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Nội dung                                                                        | Mã nhiệm vụ chi | Chương-loại-khoản | Mã nguồn NS | Dự toán được giao |                    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------------|-------------|-------------------|--------------------|
|     |                                                                                 |                 |                   |             | Chi cục TCĐLCL    | Trung tâm KTTCĐLCL |
| 1   | 2                                                                               | 3               | 4                 | 6           | 7                 |                    |
| I   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí                                     | 340             | 417-340-341       |             |                   |                    |
| 1   | Số thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp                                               |                 |                   |             | 10                | 8.200              |
|     | a) Phí, lệ phí                                                                  |                 |                   |             | 10                | 8200               |
| 2   | Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại                                        |                 |                   |             | 10                | 8.200              |
|     | a) Phí, lệ phí                                                                  |                 |                   |             | 10                | 8200               |
| 3   | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước                                           |                 |                   |             | 0                 |                    |
| II  | Dự toán chi ngân sách nhà nước                                                  |                 |                   |             | 2.856             | 1.202              |
| 1   | Quản lý hành chính                                                              | 340             | 417-340-341       |             | 2.856             | 0                  |
| a   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                                |                 |                   |             | 1.319             |                    |
|     | - Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                              |                 |                   | 13          | 1.271             |                    |
|     | - Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương                                |                 |                   | 14          | 48                |                    |
|     | Ngoài ra: KPTC (KPTX) sử dụng số kết dư năm trước để chi chênh lệch lương, gồm: |                 |                   |             | 44                |                    |
|     | - Nguồn tiết kiệm 10% từ ngân sách                                              |                 |                   | 14          | 44                |                    |
|     | - 40% CCTL từ nguồn thu                                                         |                 |                   |             | 0                 |                    |
| b   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                          |                 |                   |             | 1.537             | 0                  |
|     | - Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                        |                 |                   | 12          | 1.460             |                    |
|     | - Kinh phí sửa chữa                                                             |                 |                   | 12          | 27                |                    |
|     | - Kinh phí mua sắm TSCĐ                                                         |                 |                   | 29          | 50                |                    |
|     | * Đã trừ tiết kiệm theo quy định                                                |                 |                   |             | 151               |                    |
| 2   | Khoa học Công nghệ                                                              | 100             | 417-100-101       |             | 0                 | 1.202              |

|          |                                                                                        |  |  |           |          |              |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-----------|----------|--------------|
| <b>a</b> | <b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>                                                  |  |  |           | <b>0</b> | <b>0</b>     |
|          | - Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                       |  |  | 13        |          |              |
|          | - Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương                                       |  |  | 14        |          |              |
| <b>*</b> | <b>Ngoài ra: KPTC (KPTX) sử dụng số kết dư năm trước để chi chênh lệch lương, gồm:</b> |  |  | <b>14</b> | <b>6</b> | <b>2.298</b> |
|          | - Nguồn tiết kiệm 10% từ ngân sách                                                     |  |  |           |          |              |
|          | - 40% CCTL từ nguồn thu                                                                |  |  |           | 6        | 2298         |
| <b>b</b> | <b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>                                            |  |  |           |          | <b>1.202</b> |
|          | - Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                 |  |  | 12        |          | 752          |
|          | - Kinh phí sửa chữa                                                                    |  |  | 12        |          |              |
|          | - Kinh phí mua sắm TSCĐ                                                                |  |  | 29        |          | 450          |
|          | * Đã trừ tiết kiệm theo quy định                                                       |  |  |           |          | 128          |

(Kèm Chi tiết nội dung kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ, kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên; Mua sắm, sửa chữa tài sản)

#### Ghi chú:

1. Đối với các cơ quan, đơn vị có nguồn thu khi thực hiện phân bổ dự toán đề nghị:  
1.1. Sử dụng nguồn 13 trong dự toán giao để chi lương, phụ cấp và các khoản theo lương với mức lương cơ sở 1.210.000 đồng.

1.2. Phân chênh lệch lương cơ sở so với mức lương 1.210.000 đồng, sử dụng số kết dư nguồn CCTL để chi trong đó:

- Số kết dư nguồn 10% tiết kiệm từ ngân sách: 212 triệu đồng;
- Số kết dư từ 40% CCTL từ nguồn thu: 6 triệu đồng.

Trường hợp nguồn kết dư CCTL tại cơ quan, đơn vị không đủ đảm bảo chi chênh lệch lương, cơ quan, đơn vị có văn bản thống nhất với Sở Tài chính hướng giải quyết.

2. Việc trang bị máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của TTCP.



Tên đơn vị: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Biểu số 2.1

Chương: 417



**CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ**  
**KHÔNG THỰC HIỆN TỰ CHỦ - KHÔNG THƯỜNG XUYÊN NĂM 2018**

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT      | Tên đơn vị/<br>Nội dung chi tiết                                                                                                               | C          | L          | K          | Dự toán năm 2018 |              |           |           |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|------------|------------------|--------------|-----------|-----------|
|          |                                                                                                                                                |            |            |            | Tổng cộng        | KTC-KTX      | Chi tiết  |           |
|          |                                                                                                                                                |            |            |            |                  |              | Sửa chữa  | Mua sắm   |
| A        | B                                                                                                                                              | 1          | 2          | 3          | 16               | 17           | 18        | 19        |
| <b>1</b> | <b>Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng</b>                                                                                                  | <b>417</b> | <b>340</b> | <b>341</b> | <b>1.688</b>     | <b>1.608</b> | <b>30</b> | <b>50</b> |
| <b>a</b> | <b>KP không thực hiện tự chủ</b>                                                                                                               |            |            |            | <b>1.608</b>     | <b>1.608</b> | <b>0</b>  | <b>0</b>  |
|          | - Tiền Tắt                                                                                                                                     |            |            |            | 18               | 18           |           |           |
|          | - Đào tạo                                                                                                                                      |            |            |            | 10               | 10           |           |           |
|          | - Kiểm tra nhà nước về đo lường đối với 30 Doanh nghiệp                                                                                        |            |            |            | 20               | 20           |           |           |
|          | - Kiểm tra chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường tại 20 cơ sở kinh doanh hàng hóa nhóm 2                                               |            |            |            | 43               | 43           |           |           |
|          | - Kiểm tra chất lượng sản phẩm nhóm 2 (MBH; điện-điện tử; thép; đồ chơi trẻ em) trong sản xuất tại 10 DN                                       |            |            |            | 13               | 13           |           |           |
|          | - Phối hợp Thanh tra Sở KHCN, Thanh tra KV3, BCĐ 389 và các đơn vị chức năng thanh, kiểm tra đo lường, chất lượng 50 DN trên địa bàn tỉnh      |            |            |            | 7                | 7            |           |           |
|          | Kiểm tra chất lượng hàng hóa vàng trang sức mỹ nghệ 30 cơ sở (theo Thông tư 22/2013)                                                           |            |            |            | 11               | 11           |           |           |
|          | - Giám sát 10 Doanh nghiệp thực hiện công bố hợp quy theo Danh mục nhóm 2 của Bộ KHCN                                                          |            |            |            | 0                |              |           |           |
|          | - Kiểm tra ISO hành chính công                                                                                                                 |            |            |            | 7                | 7            |           |           |
|          | - Trang phục kiểm soát viên (02 người)                                                                                                         |            |            |            | 0                |              |           |           |
|          | -Tổ chức hội nghị, tập huấn và phổ biến văn bản pháp luật về đo lường chất lượng, TBT                                                          |            |            |            | 37               | 37           |           |           |
|          | - Kinh phí tính TFP (Năng suất các yếu tố tổng hợp) của tỉnh và đào tạo về chỉ số TFP cho cán bộ các sở ngành trong tỉnh                       |            |            |            | 80               | 80           |           |           |
|          | - Sơ kết Quyết định số 19/2014 về áp dụng HTQLCL theo TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Dương          |            |            |            | 35               | 35           |           |           |
|          | - Kp cho chuyên gia hội đồng sơ tuyển giải thưởng chất lượng QG                                                                                |            |            |            | 40               | 40           |           |           |
|          | - Hỗ trợ tham gia GTCLQG dự kiến 04 DN                                                                                                         |            |            |            | 75               | 75           |           |           |
|          | - Kinh phí triển khai dự án "Nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Bình Dương giai đoạn 2017-2020" |            |            |            | 859              | 859          |           |           |
|          | - Duy trì hệ thống Iso (duy trì, đánh giá lại và mở rộng 4 quy trình)                                                                          |            |            |            | 18               | 18           |           |           |



|          |                                                                                                                                                                                                                                                            |            |            |            |              |            |          |            |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|------------|--------------|------------|----------|------------|
|          | Chương trình hành động triển Đề án thực thi Hiệp định Hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT)                                                                                                                                                             |            |            |            | 5            | 5          |          |            |
|          | - Kinh phí tham dự lễ trao giải thưởng chất lượng Quốc gia                                                                                                                                                                                                 |            |            |            | 17           | 17         |          |            |
|          | - Tham dự các lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo chuyên môn nghiệp vụ về đo lường chất lượng, TBT                                                                                                                                                            |            |            |            | 81           | 81         |          |            |
|          | - Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn về đo lường, chất lượng, TBT (Đào tạo về kiểm tra nhà nước về đo lường; nghiệp vụ thanh tra KHCN, nghiệp vụ chuyên môn về tiêu chuẩn chất lượng, Đào tạo kiểm soát viên chất lượng, nghiệp vụ chuyên môn về TBT) |            |            |            | 56           | 56         |          |            |
|          | - Phụ cấp, trang phục CB thực hiện quy trình 1 cửa                                                                                                                                                                                                         |            |            |            | 9            | 9          |          |            |
|          | - Hoạt động thu lệ phí                                                                                                                                                                                                                                     |            |            |            | 2            | 2          |          |            |
|          | - Khóa Đào tạo nghiệp vụ kiểm tra nhà nước về đo lường cho công chức của 09 huyện, thị xã, thành phố và 22 xã phường (01 khóa/ 02 ngày)                                                                                                                    |            |            |            | 55           | 55         |          |            |
|          | - Khóa đào tạo Hướng dẫn viết Báo cáo tham dự Giải thưởng chất lượng Quốc gia (01 khóa/1 ngày). Đối tượng: DN dự kiến tham gia Giải thưởng                                                                                                                 |            |            |            | 20           | 20         |          |            |
|          | - Khóa Đào tạo về đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng cho tổ kiểm tra ISO hành chính công của tỉnh và huyện thị, thành phố (05 ngày/01 khóa)                                                                                                              |            |            |            | 80           | 80         |          |            |
|          | - Kỷ niệm Ngày Tiêu chuẩn Thế giới 14/10                                                                                                                                                                                                                   |            |            |            | 10           | 10         |          |            |
| <b>b</b> | <b>- Mua sắm , sửa chữa tài sản</b>                                                                                                                                                                                                                        |            |            |            | 80           |            | 30       | 50         |
|          | <i>Trong đó, tiết kiệm theo quy định</i>                                                                                                                                                                                                                   |            |            |            | 151          | 148        | 3        |            |
| <b>2</b> | <b>Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng</b>                                                                                                                                                                                                   | <b>417</b> | <b>100</b> | <b>101</b> | <b>1.330</b> | <b>830</b> | <b>0</b> | <b>500</b> |
| <b>a</b> | <b>Kinh phí không thường xuyên</b>                                                                                                                                                                                                                         |            |            |            | 830          | 830        | 0        | 0          |
|          | - Đánh giá công nhận ISO 17025 của Trung tâm                                                                                                                                                                                                               |            |            |            | 50           | 50         |          |            |
|          | <b>Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng</b>                                                                                                                                                                                                                |            |            |            | 0            |            |          |            |
|          | - Kiểm định, duy tu, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa chuẩn đo lường                                                                                                                                                                                           |            |            |            | 366          | 366        |          |            |
|          | - Tham gia đoàn kiểm tra nhà nước về đo lường chất lượng sản phẩm hàng hóa theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền                                                                                                                                 |            |            |            | 12           | 12         |          |            |
|          | - Tổ chức các lớp đào tạo về ISO hành chính công                                                                                                                                                                                                           |            |            |            | 387          | 387        |          |            |
|          | - Thu thập và cập nhật thông tin các đơn vị kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh                                                                                                                                                                          |            |            |            | 15           | 15         |          |            |
| <b>b</b> | <b>- Mua sắm , sửa chữa tài sản</b>                                                                                                                                                                                                                        |            |            |            | 500          |            |          | 500        |
|          | <i>Trong đó, tiết kiệm theo quy định</i>                                                                                                                                                                                                                   |            |            |            | 128          | 78         |          | 50         |



*thm*

Tên đơn vị: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Biểu số 2.2

Chương: 417



## CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ MUA SẮM, SỬA CHỮA TÀI SẢN CỐ ĐỊNH NĂM 2018

Đơn vị tính: triệu đồng.

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                                                                  | C          | L          | K          | Dự toán năm 2018 |           |            |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|------------|------------|------------|------------------|-----------|------------|
|     |                                                                             |            |            |            | Cộng             | SC        | MS         |
| A   | B                                                                           | C          | D          | E          | 1                | 2         | 3          |
| 1   | <b>Chi Cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng</b>                               | <b>417</b> | <b>340</b> | <b>341</b> | <b>80</b>        | <b>30</b> | <b>50</b>  |
|     | - Sửa chữa xe ô tô                                                          |            |            |            | 30               | 30        |            |
|     | - Mua sắm: Phần mềm quản lý các trạm xăng, dầu trên địa bàn tỉnh Bình Dương |            |            |            | 50               |           | 50         |
|     | <i>Trong đó, tiết kiệm theo quy định</i>                                    |            |            |            | 3                | 3         |            |
| 2   | <b>Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng</b>                    | <b>417</b> | <b>100</b> | <b>101</b> | <b>500</b>       | <b>-</b>  | <b>500</b> |
|     | - Mua thiết bị chuyên môn để mở rộng chức năng                              |            |            |            | 500              |           | 500        |
|     | <i>Trong đó, tiết kiệm theo quy định</i>                                    |            |            |            | 50               |           | 50         |

*ĐHL*